

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **1016** /BNN-KH

Hà Nội, ngày **03** tháng 02 năm 2017

V/v Giao kế hoạch vốn
đầu tư phát triển năm 2017.

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng
nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên

Căn cứ quyết định số 2562/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
quyết định số 1989/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017:

Căn cứ văn bản số 589/BNN-KH ngày 17/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 của Bộ NN&PTNT
về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn
phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên", vốn vay ADB;

Bộ Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 với các
nội dung như sau:

1. Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây
Nguyên (Ban QLDA TW).
2. Địa điểm xây dựng: Hà Nội.
3. Địa điểm mở tài khoản: Kho bạc Nhà nước Trung ương.
4. Thời gian chuẩn bị - hoàn thành: 2013-2018.
5. Mục tiêu : thực hiện tư vấn, giám sát, quản lý dự án.
6. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn thực hiện hết 2016	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017
	Tổng số	7433734	229.803	38.500	21.000
1	Vốn ngoài nước		205.171		20.000
2	Vốn trong nước		24.632		1.000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ TC (Vụ ĐT);
- Bộ KH&ĐT (Vụ KTNN);
- Kho bạc nhà nước TW;
- Vụ TC; Ban CPO NN;
- Lưu: VT, KH(10).

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Đào Quốc Luân

Số: 1250 /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2017 dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định số 3032-VIE (SF) ký ngày 17/01/2014 giữa Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB);

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 của Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, số 2316/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/10/2013, số 4422/QĐ-BNN-HTQT ngày 15/10/2014 về việc phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên”;

Căn cứ Quyết định số 1734/QĐ-BNN-XD ngày 30/7/2013, số 2634/QĐ-BNN-KH ngày 5/11/2013, số 3168/BNN-KH ngày 28/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt, điều chỉnh Kế hoạch tổng thể Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên”;

Căn cứ văn bản số 1016/BNN-KH ngày 03/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017;

Xét tờ trình số 331/TTr-DANN-KHKT ngày 01/03/2017 của Trưởng Ban quản lý các dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2017 dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên” và báo cáo kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Ký: A Hằng
A Đào
Thư hiệ
Ưu H
Mel

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện năm 2017 dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên”, với các nội dung như sau:

1. Phê duyệt kế hoạch vốn năm 2017 của Ban quản lý dự án trung ương là: 21.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng châu Á: 20.000 triệu đồng.
- Vốn đối ứng trung ương: 1.000 triệu đồng

2. Giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch vốn năm 2017 dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên là 609.883 triệu đồng, trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng châu Á: 547.325 triệu đồng.
- Vốn đối ứng Chính phủ: 62.558 triệu đồng (đối ứng Trung ương 1.000 triệu đồng, đối ứng địa phương 61.558 triệu đồng).

(Chi tiết như các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ban quản lý các dự án Nông nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch chi tiết của Ban quản lý dự án Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các Ban quản lý dự án các tỉnh thực hiện kế hoạch theo mục tiêu, tiến độ, chất lượng nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng nguồn vốn và báo cáo theo các quy định hiện hành của Chính phủ và của Nhà tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình, Trưởng ban Ban quản lý các dự án Nông nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh tham gia dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Ban QLDA TW và 5 tỉnh tham gia dự án;
- Lưu: VT, KH (25).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục 01:

PHỤ LỤC PHÍ KẾ HOẠCH NĂM 2017- PHÂN KINH PHÍ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN PHỤC VỤ SẢN XUẤT CHO CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN
 (Kèm theo Quyết định số 4250/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Đơn vị: Triệu VND

STT	Danh mục	Kế hoạch tổng thể theo QĐ 3168/BNN-KH ngày 28/7/2016				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31/12/2016				Kế hoạch năm 2017			
		Tổng		Đổi ứng		Tổng		Đổi ứng		Tổng		Đổi ứng	
		ADB	Tổng	ADB	Tổng	ADB	Tổng	ADB	Tổng	ADB	Tổng	ADB	Tổng
1	Lương và phụ cấp quản lý dự án	14.595	18.795	4.200	4.200	6.850	7.920	1.070	1.070	1.273	2.273	1.000	1.000
2	Thuế văn phòng	1.669	1.669	0	0	1.043	1.043	0	0	418	418	0	0
3	Chi phí hoạt động văn phòng	6.510	6.510	0	0	1.092	1.092	0	0	1.727	1.727	0	0
4	Đào tạo, hội nghị, tập huấn trong và ngoài nước	20.937	20.937	0	0	9.735	9.735	0	0	1.000	1.000	0	0
5	Thiết bị văn phòng và phần mềm kế toán	2.205	2.205	0	0	2.067	2.067	0	0	106	106	0	0
6	Kiểm toán dự án	2.520	2.520	0	0	168	168	0	0	168	168	0	0
7	Mua ô tô cho 5 tỉnh	4.818	4.818	0	0	4.818	4.818	0	0	0	0	0	0
8	Tư vấn độc lập hỗ trợ khởi động và thiết kế mô hình	3.726	3.726	0	0	2.740	2.740	0	0	0	0	0	0
9	Tư vấn quốc tế hỗ trợ thực hiện dự án	66.856	66.856	0	0	36.562	36.562	0	0	10.000	10.000	0	0
10	Tư vấn lập báo cáo chính sách an toàn tiêu dự án	5.834	5.834	0	0	2.311	2.311	0	0	2.730	2.730	0	0
11	Tư vấn lập báo cáo chính sách an toàn chính sách an toàn	1.260	1.260	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Tư vấn giám sát và đánh giá thực hiện dự án	2.100	2.100	0	0	0	0	0	0	1.575	1.575	0	0
13	Tư vấn an toàn đập	1.890	1.890	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Tư vấn điều tra thu thập số liệu	1.260	1.260	0	0	0	0	0	0	1.003	1.003	0	0
15	Tư vấn thực hiện mô hình và xây dựng thể chế	31.038	31.038	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG		167.218	171.418	4.200	4.200	67.386	68.456	1.070	1.070	20.000	21.000	1.000	1.000

Thuan

Phụ lục 02:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2017

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN PHỤC VỤ SẢN XUẤT CHO CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số. **1250** /QĐ-BNN-KH ngày **07** / **4** /2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Triệu VND

STT	Tỉnh dự án	Kế hoạch tổng thể dự án theo QĐ 3168/BNN-KH ngày 28/7/2016			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31/1/2017			Kế hoạch thực hiện năm 2017		
		Tổng	ADB	Đối ứng	Tổng	ADB	Đối ứng	Tổng	ADB	Đối ứng
A	Ban quản lý dự án TW	171.418	167.218	4.200	68.456	67.386	1.070	30.524	29.524	1.000
B	Địa phương	1.294.280	1.139.850	154.430	219.454	98.449	121.005	579.359	517.801	61.558
1	Kon Tum	259.874	235.959	23.915	44.539	26.892	17.647	120.316	112.627	7.689
2	Gia Lai	220.477	199.938	20.539	29.587	13.624	15.963	111.756	102.784	8.972
3	Đắk Lắk	281.932	240.192	41.740	57.460	24.474	32.986	113.214	91.350	21.864
4	Đắk Nông	268.973	227.079	41.894	57.921	24.428	33.493	127.674	112.141	15.533
5	Lâm Đồng	263.024	236.682	26.342	29.947	9.031	20.916	106.399	98.899	7.500
TỔNG CỘNG		1.465.698	1.307.068	158.630	287.910	165.835	122.075	609.883	547.325	62.558

Đã xem

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **1016** /BNN-KH

Hà Nội, ngày **03** tháng 02 năm 2017

V/v Giao kế hoạch vốn
đầu tư phát triển năm 2017.

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng
nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên

Căn cứ quyết định số 2562/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ,
quyết định số 1989/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017:

Căn cứ văn bản số 589/BNN-KH ngày 17/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 của Bộ NN&PTNT
về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn
phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây nguyên", vốn vay ADB;

Bộ Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 với các
nội dung như sau:

1. Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên (Ban QLDA TW).
2. Địa điểm xây dựng: Hà Nội.
3. Địa điểm mở tài khoản: Kho bạc Nhà nước Trung ương.
4. Thời gian chuẩn bị - hoàn thành: 2013-2018.
5. Mục tiêu : thực hiện tư vấn, giám sát, quản lý dự án.
6. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn thực hiện hết 2016	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017
	Tổng số	7433734	229.803	38.500	21.000
1	Vốn ngoài nước		205.171		20.000
2	Vốn trong nước		24.632		1.000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ TC (Vụ ĐT);
- Bộ KH&ĐT (Vụ KTNN);
- Kho bạc nhà nước TW;
- Vụ TC; Ban CPO NN;
- Lưu: VT, KH(10).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Đào Quốc Luân